TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI HÀ** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2020/QĐST-DS	*Hải Hà, ngày 07 tháng 4 năm 2020.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 31 tháng 3 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 01/2020/TLST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Khúc Văn C1, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn Q2, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh.

- Bị đơn: ông Trinh Văn T1 và bà Đinh Thị L1.

Địa chỉ: Thôn 2, xã Q2, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: bà Nguyễn Thị H2.

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn Q2, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ngày 30 tháng 4 năm 2020, Bị đơn ông Trịnh Văn T1 và bà Đinh Thị L1 có nghĩa vụ trả nợ cho Nguyên đơn ông Khúc Văn C1 số tiền là: 116.200.000đ (Một trăm mười sáu triệu hai trăm nghìn đồng), bao gồm:

Tiền nợ gốc là: 70.000.000đ (Bẩy mươi triệu đồng).

Tiền lãi phát sinh tính từ ngày 16/5/2018 đến ngày 02/3/2020 là: 46.200.000đ.

Kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2020, ông Khúc Văn C1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Trịnh Văn T1 và bà Đinh Thị L1 chậm trả tiền thì ông T1, bà L1 phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định định khác.

- Về án phí: Bị đơn phải chịu 2.905.000đ (Hai triệu, chín trăm linh năm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành

án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh QN;*
- *VKSND tỉnh Quảng Ninh;*
- *VKSND huyện Hải Hà;*
- *Các đương sự;*
- *Chi cục THADS huyện Hải Hà;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Hương Lan

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).